CÔNG TY ĐIỆN LỰC TT-HUẾ **ĐIỆN LỰC NAM SÔNG HƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 717/PA-ĐLNSH	*Huế, ngày 03 tháng 12 năm 2019*

PHƯƠNG ÁN
Đấu nối, di chuyển công tơ tại các TBA Công cộng thuộc dự án: Nâng cao năng lực truyền tải và phân phối lưới điện khu vực Nam Sông Hương năm 2019

I. ĐẶT VẤN ĐỀ:

Căn cứ quyết định số 2919/QĐ-TTHPC ngày 18/06/2019 của Công ty Điện lực TT-Huế về việc: Phê duyệt dự toán tự thực hiện Gói thầu số 03/XL: Lắp đặt TBA và các hạng mục phụ trợ công trình: Nâng cao năng lực truyền tải và phân phối lưới điện khu vực Nam Sông Hương năm 2019;

Căn cứ quyết định số 3011/QĐ-TTHPC ngày 22/06/2019 của Công ty Điện lực TT-Huế về việc: Giao Điện lực Nam Sông Hương thực hiện gói thầu 03/XL: Thi công lắp đặt TBA và các hạng mục phụ trợ thuộc công trình: Nâng cao năng lực truyền tải và phân phối lưới điện khu vực Nam sông Hương năm 2019;

Căn cứ phương án số 708/PA-ĐLNSH ngày 29/11/2019 của Điện lực Nam Sông Hương đã được Giám đốc Công ty phê duyệt về việc: Kết gọn công tơ tại các TBA Công cộng khu vực Nam Sông Hương Quí 4 năm 2019 (Bổ sung);

Căn cứ báo cáo đề xuất của Ban QLDA-ĐTXD ngày 02/12/2019 đã được Giám đốc Công ty phê duyệt về việc: Bổ sung VTTB sang chuyển công tơ công trình: Nâng cao năng lực truyền tải và phân phối lưới điện khu vực Nam sông Hương năm 2019. Gói thầu số 03/XL: Lắp đặt TBA và các hạng mục phụ trợ;

Căn cứ hiện trạng lưới điện hạ thế khu vực Nam Sông Hương,

Sau khi khảo sát thực tế tại hiện trường. Điện lực Nam Sông Hương lập phương án thi công với nội dung cụ thể như sau:

II. NỘI DUNG PHƯƠNG ÁN:

1. Nội dung công tác phương án:

- Số lượng nhánh rẽ xây dựng mới theo công trình: Nâng cao năng lực truyền tải và phân phối lưới điện khu vực Nam Sông Hương năm 2019 là 46 nhánh rẽ thuộc 34 TBA Công cộng, đã được thực hiện kéo cáp vặn xoắn.

- Khối lượng thực hiện công tác đấu nối, di chuyển công tơ và kết gọn theo phương án được cụ thể qua "**Phụ lục bảng kê chi tiết thực hiện theo vị trí**" và **"Sơ đồ mặt bằng vị trí thực hiện theo TBA"** kèm theo.

- Tại tất cả vị trí (VT) cột có nhánh rẽ, tại đường dây trục hoặc nhánh rẽ có lèo dùng kẹp răng; tại VT có HCD, VT đấu xuống hộp 1 và hộp 4 công tơ 1 pha, công tơ 3 pha thực hiện như sau:

+ Vị trí cột có đấu nối nhánh rẽ *(căn cứ chủng loại dây đường trục hạ thế hiện trạng)* phải sử dụng loại kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế loại 25-120/6-120 (2BL) và loại 25-185/6-150 (2BL): 05 cái / VT.

+ Vị trí cột có bổ sung HCD, đấu xuống hộp 4 công tơ 1 pha, đấu nối rẽ nhánh công tơ 1 pha đặt nhà sử dụng loại kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế loại 25-95/6-95 (2BL) và loại 25-120/6-120 (2BL): 03 cái / VT có đấu nối HCD, 02 cái / VT đấu công tơ.

+ Vị trí cột có đấu xuống hộp 1 công tơ 1 pha sử dụng loại kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-95/6-35 (1BL): 02 cái / VT.

+ Vị trí cột đấu xuống hộp 1 công tơ 3 pha sử dụng loại kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế loại 25-95/6-95 (2BL) và loại 25-120/6-120 (2BL): 05 cái / VT.

+ Bổ sung các đầu cốt ở trong HCD, nối cầu trong HCD bằng cáp đồng bọc 0,6kV MV_10 mm^2 *(Chú ý: Mỗi HCD được bổ sung 02 đầu cốt MA_50mm^2 và 0,5m dây đồng MV_10mm^2, 03 kẹp răng, dây đấu nối loại cáp nhôm bọc 2x50mm^2. Thực hiện đấu đều 3 pha tại các VT cột liền kề thuộc nhóm)*.

- Đối với các hệ thống đo đếm di chuyển theo phương án, lắp đặt tại cột thực hiện như sau:

+ Thay dây xuống cho tất cả các công tơ cần di chuyển đấu nối sang lưới mới *(Chú ý: Đối với cột sắt (bát giác) dây xuống công tơ có chiều dài là 05m, đối với cột BTLT dây xuống công tơ có chiều dài là 07m)* như sau:

- Đối với 01 thùng 1 công tơ 1 pha sẽ sẻ sử dụng loại dây dẫn PVC M(2x7) được cấp theo quyết định số 2919/QĐ-TTHPC ngày 18/06/2019 của Công ty Điện lực TT-Huế.
- Bổ sung sử dụng bằng cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6kV ABC 2x16mm^2 cho các thùng 1 công tơ 1 pha phát sinh *(vượt khối lượng dây PVC M(2x7) được cấp)*.

+ Thay một số thùng công tơ 1 pha và thùng 4 công tơ 1 pha hỏng, không đảm bảo, hoặc kết gọn nếu hiện trạng có quá nhiều công tơ 1 pha vào thùng 4 công tơ 1 pha bằng vật tư mới *(nguồn vốn SCTX)*.

- Kết hợp thu hồi đường dây mất an toàn tại TBA Phan Bội Châu 1 và Thủy Dương Thuận An 4 sau khi chuyển qua cấp điện tại lưới mới xây dựng. Khối lượng thu hồi thực hiện theo "**Phụ lục bảng kê chi tiết thực hiện theo vị trí"** đính kèm.

2. Vật tư dự trù phương án:

2.1. Bảng kê tổng khối vật tư theo phương án:

TT	Mã vật tư	Danh mục	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
1	3.62.95.453. VIE.01.000	Hộp chia dây 6 cực không áp tô mát (có phụ kiện)	Cái	357,347	40	14,293,880	
2	3.60.90.301. VIE.00.000	Hộp composite vảo vệ 1 công tơ 1 pha điện tử + phụ kiện	Cái	194,000	3	582,000	
3	3.60.90.310. VIE.00.000	Hộp composite vảo vệ 4 công tơ điện tử 1 pha	Cái	305,754	8	2,446,032	

TT	Mã vật tư	Danh mục	ĐVT	Đơn giá	Số lượng	Thành tiền	Ghi chú
		+ phụ kiện					
4	-	Dây dẫn PVC M(2x7)	Mét	-	476	-	*Đấu nối Thùng 1 pha, cấp theo 2919/QĐ-TTHPC*
5	3.15.62.001. VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6kV ABC 2x16 mm2	Mét	7,353	822	6,044,166	*Đấu nối Thùng 1 pha*
6	3.15.62.002. VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6kV ABC 2x25 mm2	Mét	13,392	582	7,794,121	
7	3.15.68.002. VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6kV ABC 4x35 mm2	Mét	29,136	42	1,223,712	
8	3.15.62.004. VIE.00.000	Cáp nhôm bọc vặn xoắn 0,6kV ABC 2x50 mm2	Mét	27,460	100	2,746,000	
9	3.15.42.008. VIE.00.000	Cáp đồng bọc 0,6kV MV 10 mm2	Mét	18,520	82	1,514,936	
10	-	Đai thép không rĩ + khóa đai	Bộ	-	590	-	*Cấp theo 2919/QĐ-TTHPC*
11	-	Băng keo hạ thế	Cuộn	5,500	100	550,000	
12	3.20.80.180. VIE.00.000	Đầu cốt ép đồng nhôm MA 50 mm2	Cái	24,530	80	1,962,400	*loại đũa*
13	3.20.80.197. VIE.00.000	Đầu cốt ép đồng nhôm 2 lỗ MA 150 mm2	Cái	55,300	4	221,200	
14	-	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-95/6-35 (1BL)	Cái	-	348	-	*Đấu nối Thùng 1 pha, cấp theo 2919/QĐ-TTHPC*
15	3.20.22.505. VIE.00.000	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-120/6-120 (2BL)	cái	41,000	601	24,641,000	*Đấu nối nhánh rẽ, HCD và Thùng 4*
16	3.20.22.506. VIE.00.000	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-185/6-150 (2BL)	cái	62,200	55	3,421,000	*Đấu nối nhánh rẽ trục HT 150*
TỔNG CỘNG:						**67,440,447**	

**** Ghi chú:***

- Điện lực Nam Sông Hương thực hiện nhận khối lượng VT điều chuyển theo chỉ đạo Công ty từ Ban QLDA-ĐTXD để bổ sung vào mục 15, 16 tại Bảng kê tổng, như sau:

TT	Mã vật tư	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Số lượng	Thành Tiền	Ghi chú
1	3.20.22.504. VIE.00.000	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-95/6-95 (2BL)	cái	360	360	-	*vật tư điều chuyển*
2	3.20.22.506. VIE.00.000	Kẹp răng IPC cho dây bọc hạ thế 25-185/6-150 (2BL)	cái	55	55	-	*vật tư điều chuyển*
Tổng cộng:						**-**	

2.2. Khối lượng vật tư thừa không sử dụng, nhập trả kho *(cấp theo quyết định số 2919/QĐ-TTHPC ngày 18/06/2019 của Công ty Điện lực TT-Huế cho phần di chuyển công tơ khách hàng)*:

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
1	Đai thép	cái	302	-	-	

TT	Tên vật tư	ĐVT	Số lượng	Đơn giá	Thành Tiền	Ghi chú
2	Khóa đai thép	cái	302	-	-	
3	Kẹp răng đấu nối IPC6-35 - 1BL	cái	564	-	-	
Tổng cộng:					**-**	

2.3. Khối lượng vật tư thu hồi nhập kho theo phương án:

- Dây cáp vặn xoắn 2x16: 1020 m *(quy đổi thành kg),*
- Dây cáp vặn xoắn 2x25: 495 m *(quy đổi thành kg),*
- Dây cáp vặn xoắn 2x35: 460 m *(quy đổi thành kg),*
- Dây cáp vặn xoắn 4x50: 43 m *(quy đổi thành kg),*
- Dây cáp vặn xoắn 4x150: 312 m *(quy đổi thành kg),*
- Cột CH8_TH (chặt gốc): 07 cột.
- Thùng 1 công tơ 1 pha - hỏng: 17 thùng,
- Thùng 3 công tơ 1 pha - hỏng: 01 thùng,
- Thùng 5 công tơ 1 pha - hỏng: 02 thùng,
- Thùng 4 công tơ 1 pha - hỏng: 02 thùng,

3. Phạm vi cắt điện và thời gian công tác:

3.1. Thời gian:

- Về thời gian, ngày công tác: Dự kiến thực hiện trong **Quí 4 năm 2019**.

3.2 Phạm vi công tác:

- Công tác không cắt điện trên lưới hạ thế của 34 TBA theo "Phụ lục bảng kê chi tiết thực hiện theo vị trí" và "Sơ đồ mặt bằng vị trí thực hiện theo TBA" kèm theo.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:

1. Phòng KH-KT Điện lực Nam Sông Hương :

- Giám sát việc thực hiện, giải quyết vướng mắc (nếu có) trong quá trình thực hiện phương án.

- Cấp lệnh công tác, kiểm tra hiện trường, kiểm tra việc thực hiện các biện pháp an toàn đảm bảo cho các nhóm công tác.

2. Đội Sản Xuất Điện lực Nam Sông Hương :

- Thực hiện lắp ráp sẵn các phụ kiện kèm theo cho các vật tư trước khi thực hiện tại hiện trường như sau: HCD, thùng công tơ các loại theo phương án.

- Khảo sát hiện trường, kiểm tra lệnh công tác, bố trí nhân lực, đăng ký phương tiện hỗ trợ để thực hiện phương án.

3. Phòng Kinh Doanh Điện lực Nam Sông Hương:

- Phối hợp Phòng KH-KT chuẩn hóa liên kết lưới điện, đánh số cột các nhánh rẽ phát triển mới tại các TBA công công theo phương án.

- Thực hiện biên chế lại khách hàng theo đúng trạm cấp điện, chỉnh sửa liên kết lưới điện, đánh lại số cột theo TBA căn cứ trên sự thống nhất cùng Phòng KH-KT trên chương trình CMIS3.0 và "Thu thập hiện trường" theo đúng phương án.

4. Phòng Tổng Hợp Điện lực Nam Sông Hương:

- Liên hệ Phòng KHVT nhận, cung cấp đầy đủ vật tư và đăng ký phương tiện để thực hiện phương án.

Phương án là hợp lý với khả năng cung cấp điện của lưới điện hạ thế, đảm bảo yêu cầu kỹ thuật khác.

Kính đề nghị Giám đốc xét duyệt./.

PHÓ GIÁM ĐỐC
ĐIỀU HÀNH

Phạm Như Vĩnh Tiến

Nơi nhận:
- P. KD, TH, ĐSX *(thực hiện)*;
- Lưu: KH-KT$_{quangnhn.}$

PHỤ LỤC BẢNG KÊ CHI TIẾT THỰC HIỆN THEO VỊ TRÍ - PHƯƠNG ÁN

Đấu nối, di chuyển công tơ tại các TBA công cộng KV-NSH theo Dự án: Nâng cao năng lực truyền tải và phân phối lưới điện KV Nam Sông Hương năm 2019

TT	Vị trí có dấu nối nhánh rẽ	Vị trí cột Hạ thế	Vật tư có sẵn (hiện trạng)				Vật tư cấp mới																Vật tư thu hồi										GHI CHÚ
			Đấu nối công tơ 1 pha đặt nhà	Hộp 1 công tơ 1 pha (Thùng)	Hộp 4 công tơ 1 pha (Thùng)	Hộp 1 công tơ 3 pha (Thùng)	Hộp chia dây + phụ kiện (Tăng cường) - (Hộp)	Hộp 1 công tơ 1 pha + phụ kiện (Thay thùng hỏng)	Hộp 4 công tơ 1 pha + Phụ kiện (Thay thùng hỏng)	Dây dẫn PVC M(2x7) (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x16mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x25mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x35mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x50mm2 (m)	Dây đồng M10 (m)	Đai thép không rỉ + Khóa đai (bộ)	Băng keo bạ thế (cuộn)	Đầu cốt dài 1 lỗ MA_50 (cái)	Đầu cốt MA_150 (cái)	Kẹp răng 25-95/6-35 - 1BL - (bộ)	Kẹp răng 25-120/6-120 - 2BL - (bộ)	Kẹp răng 25-185/6-150 - 2BL - (Đấu nối) - (bộ)	Thùng công tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 3 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 5 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 4 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Dây cáp vặn xoắn 2x16mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x25mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x35mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x50mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x150mm2 (m)	Cột CH8_TH (chặt gốc) (cột)	
	Tổng cộng:		106	197	92	6	40	3	8	476	822	582	42	100	82	590	100	80	4	348	601	55	17	1	2	2	1020	495	460	43	312	7	
I	TBA KIM SON 1		0	9	1	0	0	0	0	42	21	7	0	0	0	20	2	0	0	18	7	0	0	0	0	0	45	5	5	0	0	0	
1	1	A10															2				5												
2		K1		1						7						2				2							5						
3		K2		1						7						2				2							5						
4		K3		1						7						2				2							5						
5		K4			1							7				2					2							5	5				
6		K5		1						7						2				2							5						
7		K6		1						7						2				2							5						
8		K7		1						7						2				2							5						
9		K8																															
10		K9																															
11		K10		1							7					2				2							5						
12		K11		1							7					2				2							5						
13		K12		1							7					2				2							5						
II	TBA THIÊN AN		0	6	1	1	0	1	0	49	0	7	7	0	1	16	3	0	0	14	22	0	1	0	0	0	35	5	5	0	0	0	
1	1	C4															3				5												
2		KT1																															
3		KT2		2						14						4				4							10						
4	1	KT3																			5												
5		KT3/1						1		7					0.6					2			1				5						
6		KT3/2																															
7		KT3/3																															
8		KT4				1							7			2					5												
9	1	KT5			1							7				2					7							5	5				
10		KT5/1		1						7						2				2							5						
11		KT5/2		1						7						2				2							5						
12		KT5/3																															
13		KT5/4		2						14						4				4							10						
14		KT6																															
15		KT7																															
III	TBA QH THỦY XUÂN		0	6	0	0	0	0	0	42	0	0	0	0	0	12	2	0	0	12	10	0	0	0	0	0	30	0	0	0	0	0	
1	1	C3															2				5												
2	1	KT1		3						21						6				6	5						15						
3		KT1/1																															
4		KT1/2																															
5		KT1/3		3						21						6				6							15						
6		KT2																															
IV	TBA THỦY XUÂN 6		0	10	0	0	0	0	0	70	0	0	0	0	0	20	2	0	0	20	0	5	0	0	0	0	50	0	0	0	0	0	
1	1	D6/4															2					5											
2		KT1																															
3		KT2																															
4		KT3																															
5		KT4		2						14						4				4							10						
6		KT4/1		2						14						4				4							10						
7		KT5		2						14						4				4							10						
8		KT6		4						28						8				8							20						
V	TBA THỦY XUÂN 7		0	6	6	3	5	0	0	42	0	42	21	13	3	30	3	10	0	4	47	0	0	0	0	0	30	30	30	0	0	0	
1	1	AB5								0							3				5												
2		KT1		1			1			7				2.5	0.5	2		2			3						5						
3		KT2			2		1			0		14		2.5	0.5	4		2			7							10	10				
4		KT3			2	1	1			0		14	7	2.5	0.5	6		2			12							10	10				
5		KT4			2	1	1			0		14	7	2.5	0.5	6		2			12							10	10				
6		KT5								0																							
7		KT6		1						7						2				2							5						
8		KT7								0																							
9		KT8		1						7						2				2							5						
10		KT9		3		1	1			21			7	2.5	0.5	8		2			8						15						
VI	TBA THỦY XUÂN 9		0	21	4	1	4	0	0	147	0	28	7	10	2	52	5	8	0	20	30	0	0	0	0	0	105	20	20	0	0	0	
1	1	A11															5				5												
2		KT1																															
3		KT2		2						14						4				4							10						
4		KT3																															
5		KT4																															
6		KT5		2						14						4				4							10						
7		KT6		1						7						2				2							5						
8		KT7		1		1				7			7			4				2	5						5						
9		KT8																															
10		KT9		2	1		1			14		7		2.5	0.5	6		2			5						10	5	5				
11		KT10		3	1		1			21		7		2.5	0.5	8		2			5						15	5	5				
12		KT11		3			1			21				2.5	0.5	6		2			3						15						
13		KT12		3	2		1			21		14		2.5	0.5	10		2			7						15	10	10				
14		KT13		2						14						4				4							10						
15		KT14		2						14						4				4							10						
16		KT15																									0						
VII	TBA VĂN THẾ ĐẠP 1		0	12	0	0	0	0	0	84	0	0	0	0	0	24	2	0	0	24	5	0	0	0	0	0	60	0	0	0	0	0	
1	1	A2/4/1															2				5												
2		KT1		2						14						4				4							10						
3		KT2		2						14						4				4							10						
4		KT3		2						14						4				4							10						
5		KT4		2						14						4				4							10						

TT	Vị trí có đấu nối nhánh rẽ	Vị trí cột Hạ thế	Vật tư có sẵn (hiện trạng)				Vật tư cấp mới																Vật tư thu hồi										GHI CHÚ
			Đấu nối công tơ 1 pha đặt nhà	Hộp 1 công tơ 1 pha (Thùng)	Hộp 4 công tơ 1 pha (Thùng)	Hộp 1 công tơ 3 pha (Thùng)	Hộp chia dây + phụ kiện (Tăng cường) - (Hộp)	Hộp 1 công tơ 1 pha + phụ kiện (Thay thùng hỏng)	Hộp 4 công tơ 1 pha + Phụ kiện (Thay thùng hỏng)	Dây dẫn PVC M(2x7) (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x16mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x25mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x35mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x50mm2 (m)	Dây đồng M10 (m)	Đai thép không rỉ + Khóa đai (bộ)	Băng keo hạ thế (cuộn)	Đầu cốt đài 1 lỗ MA_50 (cái)	Đầu cốt MA_150 (cái)	Kẹp răng 25-95/6-35 - 1BL - (bộ)	Kẹp răng 25-120/6-120 - 2BL - (bộ)	Kẹp răng 25-185/6-150 - 2BL - (Đầu nối) - (bộ)	Thùng công tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 3 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 5 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 4 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Dây cáp vặn xoắn 2x16mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x25mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x35mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x50mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x150mm2 (m)	Cột C18_TH (chặt gốc) (cột)	
6		KT5		2						14						4				4							10						
7		KT6		2						14						4				4							10						
VIII	TBA CS THÚY DƯƠNG 4		0	14	3	0	6	2	2	0	112	35	0	15	19	34	3	12	4	10	9	15	0	1	0	2	80	25	15	0	312	6	
1		TBA															3		4														
2		KT1																															
3		KT2																															
4		KT3																															
5		KT4																															
6		KT5		4	1		1				28	7		2.5	0.5	10		2		4	2	3					20	5	5				
7		KT6		6			1				42			2.5	0.5	12		2		6		3					30						
8		KT7			1		1	2			14	7		2.5	1.7	2		2			2	3		1			10	5	5				
9		KT8			1		1					7		2.5	0.5	2		2			2	3						5	5				
10		KT9		2			1				14			2.5	0.5	4		2				3					10						
11		KT10		2			1		2		14	14		2.5	15.5	4		2			3					2	10	10					
12		B2																													49	1	
13		B3																													48	1	
14		B4																													57	1	
15		B5																													56	1	
16		B6																													45	1	
17		B7																													57	1	
IX	TBA THÚY BIỂU 3		0	5	0	0	0	0	0	0	35	0	0	0	0	10	2	0	0	10	10	0	0	0	0	0	25	0	0	0	0	0	
1	1	B18															2				5												
2		KT1																															
3		KT2																															
4		KT3																															
5		KT4																															
6		KT5		1							7					2				2							5						
7		KT6																															
8		KT7		1							7					2				2							5						
9		KT8																															
10	1	KT9		1							7					2				2	5						5						
11		KT9/1																															
12		KT9/2																															
13		KT9/3		1							7					2				2							5						
14		KT9/4																															
15		KT9/5																															
16		KT10																															
17		KT11		1							7					2				2							5						
18		KT12																															
19		KT13																															
20		KT14																															
21		KT15																															
X	TBA THÚY BIỂU 4		0	6	2	1	0	0	1	0	42	21	7	0	8	18	2	0	0	12	26	0	4	0	0	0	30	15	10	0	0	0	
1	1	A8															2				5												
2		KT8/1		1							7					2				2							5						
3		KT8/2		1							7					2				2							5						
4		KT8/3			1							7				2					2							5	5				
5		KT8/4		1							7					2				2							5						
6	1	A4																			5												
7		KT4/1																															
8		KT4/2		1							7					2				2							5						
9		KT4/3																															
10		KT4/4		1					1		7	7			7.5	2				2	2		4				5	5					
11	1	B8																			5												
12		KT8A/1			1							7				2					2							5	5				
13		KT8A/2		1		1					7		7			4				2	5						5						
XI	TBA PHAN CHU TRINH 1		10	6	1	0	3	0	0	0	42	7	0	8	2	14	3	6	0	12	23	10	0	0	0	0	30	5	5	0	0	0	
1	1	D3/2															3					5											
2		KT1		2							14					4				4							10						
3		KT2			1							7				2					2							5	5				
4		KT3		4							28					8				8							20						
5	1	AB1																				5											
6		B11/1	2				1							2.5	0.5			2			7												
7		B11/2	2				1							2.5	0.5			2			7												
8		B11/3	6				1							2.5	0.5			2			7												
XII	TBA CÔNG BẠC 1		0	4	1	0	1	0	0	0	24	5	0	3	1	10	2	2	0	8	5	0	0	0	0	0	20	5	5	0	0	0	
1		C3/3/8/1A		2			1				14			2.5	0.5	4	2	2		4	3						10						
2		KT1																															
3		KT2		2							10					4				4							10						
4		KT3																															
5		KT4			1							5				2					2							5	5				
XIII	TBA THỦ NHỊ BỒNG		0	11	2	0	0	0	0	0	55	10	0	0	0	26	3	0	0	22	9	0	0	0	0	0	55	10	10	0	0	0	
1	1	A7															3				5												
2		KT1		1	1						5	5				4				2	2						5	5	5				
3		KT2		1	1						5	5				4				2	2						5	5	5				
4		KT3		4							20					8				8							20						
5		KT4		3							15					6				6							15						
6		KT5		2							10					4				4							10						
XIV	TBA VẠN VẠN		0	6	1	0	0	0	0	0	42	7	0	0	0	14	2	0	0	12	2	5	0	0	0	0	30	5	5	0	0	0	
1	1	B2															2					5											
2		KT1		2							14					4				4							10						
3		KT2		2	1						14	7				6				4	2						10	5	5				
4		KT3		2							14					4				4							10						
XV	TBA ĐC TRƯỜNG BIA		0	0	6	0	0	0	0	0	0	42	0	0	0	12	2	0	0	0	12	5	0	0	0	0	0	30	30	0	0	0	
1	1	A5															2					5											

TT	Vị trí có đấu nối nhánh rẽ	Vị trí cột Hạ thế	Vật tư có sẵn (hiện trạng)				Vật tư cấp mới																Vật tư thu hồi										GHI CHÚ
			Đấu nối công tơ 1 pha đặt nhà	Hộp 1 công tơ 1 pha (Thùng)	Hộp 4 công tơ 1 pha (Thùng)	Hộp 1 công tơ 3 pha (Thùng)	Hộp chia dây + phụ kiện (Tăng cường) - (Hộp)	Hộp 1 công tơ 1 pha + phụ kiện (Thay thùng hỏng)	Hộp 4 công tơ 1 pha + Phụ kiện (Thay thùng hỏng)	Dây dẫn PVC M(2x7) (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x16mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x25mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x35mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x50mm2 (m)	Dây đồng M10 (m)	Đai thép không rỉ + Khóa đai (bộ)	Băng keo hạ thế (cuộn)	Đầu cốt đài 1 lỗ MA_50 (cái)	Đầu cốt MA_150 (cái)	Kẹp răng 25-95/6-35 - 1BL - (bộ)	Kẹp răng 25-120/6-120 - 2BL - (bộ)	Kẹp răng 25-185/6-150 - 2BL - (Đầu nối) - (bộ)	Thùng công tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 3 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 5 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 4 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Dây cáp vặn xoắn 2x16mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x25mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x35mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x50mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x150mm2 (m)	Cột C18_TH (chặt gốc) (cột)	
2		A5/1			2							14				4					4							10	10				
3		A5/2			2							14				4					4							10	10				
4		A5/3			2							14				4					4							10	10				
XVI	**TBA ĐIỆN BIÊN PHỦ 1**		**0**	**7**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**35**	**15**	**0**	**0**	**0**	**20**	**3**	**0**	**0**	**14**	**11**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**35**	**15**	**15**	**0**	**0**	**0**	
1	1	B10															3				5												
2		KT1		3							15					6				6							15						
3		KT2		2	2						10	10				8				4	4						10	10	10				
4		KT3		2	1						10	5				6				4	2						10	5	5				
XVII	**TBA THỦY TRƯỜNG 3**		**0**	**6**	**8**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30**	**40**	**0**	**0**	**0**	**28**	**3**	**0**	**0**	**12**	**21**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30**	**40**	**40**	**0**	**0**	**0**	
1	1	B12															3				5												
2		KT1		1	2						5	10				6				2	4						5	10	10				
3		KT2		1	2						5	10				6				2	4						5	10	10				
4		KT3		2	2						10	10				8				4	4						10	10	10				
5		KT4		2	2						10	10				8				4	4						10	10	10				
XVIII	**TBA ĐOÀN HỮU TRUNG**		**6**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**3**	**1**	**0**	**2**	**2**	**0**	**0**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	1	B3/4															2				5												
2		KT1	6				1							2.5	0.5			2			7												
3																																	
XIX	**TBA ĐƯỜNG SẮT**		**0**	**4**	**5**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**24**	**27**	**0**	**0**	**0**	**18**	**3**	**0**	**0**	**8**	**15**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20**	**25**	**25**	**0**	**0**	**0**	
1	1	B-1/2															3				5												
2		KT1		2	1						14	7				6				4	2						10	5	5				
3		KT2		1	2						5	10				6				2	4						5	10	10				
4		KT3		1	2						5	10				6				2	4						5	10	10				
XX	**TBA HÀN MẠC TỬ 2**		**0**	**1**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**35**	**0**	**0**	**0**	**16**	**3**	**0**	**0**	**2**	**19**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**5**	**35**	**35**	**0**	**0**	**0**	
1	1	A1/3															3				5												
2		KT1			2							10				4					4							10	10				
3		KT2			3							15				6					6							15	15				
4		KT3		1	2						5	10				6				2	4						5	10	10				
XXI	**TBA AN PHÚ**		**0**	**6**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**36**	**39**	**0**	**0**	**0**	**26**	**3**	**0**	**0**	**12**	**24**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30**	**35**	**35**	**0**	**0**	**0**	
1	1	B12															3				5												
2		KT1		1	2						5	10				6				2	4						5	10	10				
3		KT2		1	2						5	10				6				2	4						5	10	10				
4		KT3		1	1						5	5				4				2	2						5	5	5				
5	1	A16																			5												
6		KT4		1	1						7	7				4				2	2						5	5	5				
7		KT5		2	1						14	7				6				4	2						10	5	5				
XXII	**TBA VỸ DẠ 1**		**20**	**2**	**8**	**0**	**5**	**0**	**2**	**0**	**10**	**50**	**0**	**13**	**18**	**20**	**5**	**10**	**0**	**4**	**45**	**15**	**7**	**0**	**0**	**0**	**10**	**50**	**40**	**0**	**0**	**0**	
1	1	BC3															5					5											
2		KT1	6				1							2.5	0.5			2			7												
3		KT2	3		1		1		2			15		2.5	15.5	2		2			9		7					15	5				
4	2	A1																				10											
5		KTA/1	2		1		1					5		2.5	0.5	2		2			5							5	5				
6		KTA/2	5		2		1					10		2.5	0.5	4		2			9							10	10				
7		KTB/1		1	2						5	10		0		6				2	4						5	10	10				
8		KTB/2	4		1		1					5		2.5	0.5	2		2			9							5	5				
9		KTB/3		1	1						5	5		0		4				2	2						5	5	5				
XXIII	**TBA CÔN HIÊN 2**		**2**	**3**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**15**	**10**	**0**	**0**	**0**	**10**	**2**	**0**	**0**	**6**	**13**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**15**	**10**	**10**	**0**	**0**	**0**	
1	1	A4															2				5												
2		KT1		1	1						5	5				4				2	2						5	5	5				
3		KT2	2	2	1						10	5				6				4	6						10	5	5				
XXIV	**TBA CÔN HIÊN 1**		**30**	**6**	**5**	**0**	**6**	**0**	**0**	**0**	**30**	**25**	**0**	**15**	**3**	**22**	**5**	**12**	**0**	**12**	**56**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**30**	**25**	**25**	**0**	**0**	**0**	
1	1	KTA/1	3	1							5					2	5			2	11						5						
2		KTA/2	6		1		1					5		2.5	0.5	2		2			9							5	5				
3		KTA/3	8		1		1					5		2.5	0.5	2		2			13							5	5				
4	1	A5/4																			5												
5		KTB/1	2	2	1		1				10	5		2.5	0.5	6		2		4	5						10	5	5				
6		KTB/2	3	2	1		1				10	5		2.5	0.5	6		2		4	5						10	5	5				
7		KTB/3	8	1	1		2				5	5		5	1	4		4		2	8						5	5	5				
XXV	**TBA PHAN BỘI CHÂU 1**		**24**	**9**	**2**	**0**	**5**	**0**	**0**	**0**	**51**	**12**	**0**	**13**	**3**	**22**	**4**	**10**	**0**	**18**	**45**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**45**	**10**	**10**	**43**	**0**	**1**	
1		A1/1															4													43		1	
2	1	A2																			5												
3		KT1		3							21					6				6							15						
4		KT2			2							12				4					4							10	10				
5	1	CE3																			5												
6		KT3					1							2.5	0.5	0		2			3												
7		KT4	6	2			1				10			2.5	0.5	4		2		4	7						10						
8		KT5	6	1			1				5			2.5	0.5	2		2		2	7						5						
9		KT6	6	2			1				10			2.5	0.5	4		2		4	7						10						
10		KT7	6	1			1				5			2.5	0.5	2		2		2	7						5						
XXVI	**TBA CẦU CHUI 1**		**0**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20**	**0**	**0**	**0**	**8**	**2**	**0**	**0**	**0**	**13**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20**	**20**	**0**	**0**	**0**	
1	1	AB3															2				5												
2		KT1			1							5				2					2							5	5				
3		KT2			1							5				2					2							5	5				
4		KT3			1							5				2					2							5	5				
5		KT4			1							5				2					2							5	5				
XXVII	**TBA TỪ ĐÀM**		**0**	**3**	**1**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**21**	**7**	**0**	**0**	**0**	**8**	**2**	**0**	**0**	**6**	**7**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**15**	**5**	**5**	**0**	**0**	**0**	
1	1	C3/5															2				5												
2		KT1		2							14					4				4							10						
3		KT2		1	1						7	7				4				2	2						5	5	5				
XXVIII	**TBA THỌ LỘC 2**		**4**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10**	**0**	**0**	**0**	**0**	**4**	**2**	**0**	**0**	**4**	**13**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	1	B3/1															2				5												
2		KT1	4	2							10					4				4	8						10						
XXIX	**TBA AN LÃNG 1**		**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**5**	**0**	**0**	**8**	**0**	**2**	**0**	**0**	**0**	**7**	**0**	**4**	**0**	**0**	**0**	**20**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	1	B4/5/1															2				5												
2		KT1							1			5			7.5						2		4				20						

TT	Vị trí có đấu nối nhánh rẽ	Vị trí cột Hạ thế	Vật tư có sẵn (hiện trạng)				Vật tư cấp mới																Vật tư thu hồi										GHI CHÚ
			Đấu nối công tơ 1 pha đặt nhà	Hộp 1 công tơ 1 pha (Thùng)	Hộp 4 công tơ 1 pha (Thùng)	Hộp 1 công tơ 3 pha (Thùng)	Hộp chia dây + phụ kiện (Tăng cường) - (Hộp)	Hộp 1 công tơ 1 pha + phụ kiện (Thay thùng hỏng)	Hộp 4 công tơ 1 pha + Phụ kiện (Thay thùng hỏng)	Dây dẫn PVC M(2x7) (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x16mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x25mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x35mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x50mm2 (m)	Dây đồng M10 (m)	Đai thép không rỉ + Khóa đai (bộ)	Băng keo bụ thế (cuộn)	Đầu cốt đài 1 lỗ MA_50 (cái)	Đầu cốt MA_150 (cái)	Kẹp răng 25-95/6-35 - 1BL - (bộ)	Kẹp răng 25-120/6-120 - 2BL - (bộ)	Kẹp răng 25-185/6-150 - 2BL - (Đầu nối) - (bộ)	Thùng công tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 3 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 5 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Thùng 4 c.tơ 1 pha - hỏng (thùng)	Dây cáp vặn xoắn 2x16mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x25mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 2x35mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x50mm2 (m)	Dây cáp vặn xoắn 4x150mm2 (m)	Cột C18_TH (chặt gốc) (cột)	
XXX	**TBA GA 3**		**8**	**0**	**5**	**0**	**2**	**0**	**2**	**0**	**0**	**37**	**0**	**5**	**16**	**10**	**5**	**4**	**0**	**0**	**34**	**0**	**1**	**0**	**2**	**0**	**0**	**35**	**25**	**0**	**0**	**0**	
1	1	B4/3/1															5				5												
2		KT1			2							10				4					4							10	10				
3		KT2			2							10				4					4							10	10				
4		KT3							2			10			15						4		1		2			10					
5	1	A8																			5												
6		KT4	2		1		1					7		2.5	0.5	2		2			5							5	5				
7		KT5	6				1							2.5	0.5			2			7												
XXXI	**TBA LỊCH ĐỢI 2**		**0**	**2**	**2**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**14**	**14**	**0**	**3**	**1**	**8**	**2**	**2**	**0**	**4**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**10**	**10**	**10**	**0**	**0**	**0**	
1	1	A9															2				5												
2		KT1					1							2.5	0.5			2			3												
3		KT2		2	2						14	14				8				4	4						10	10	10				
XXXII	**TBA TĐC LỊCH ĐỢI**		**0**	**9**	**2**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**63**	**14**	**0**	**0**	**0**	**22**	**4**	**0**	**0**	**18**	**9**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**45**	**10**	**10**	**0**	**0**	**0**	
1	1	B1/2															4				5												
2		KT1		3							21					6				6							15						
3		KT1/1																															
4		KT2		4	1						28	7				10				8	2						20	5	5				
5		KT3		2	1						14	7				6				4	2						10	5	5				
XXXIII	**TBA THỦY XUÂN 8**		**0**	**11**	**3**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**77**	**21**	**0**	**0**	**0**	**28**	**5**	**0**	**0**	**22**	**16**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**55**	**15**	**15**	**0**	**0**	**0**	
1	1	A1/3/1															5				5												
2		KT1		2	1						14	7				6				4	2						10	5	5				
3		KT2		2	1						14	7				6				4	2						10	5	5				
4		KT3		1							7					2				2							5						
5	1	KT3/1		3							21					6				6	5						15						
6		KT4																															
7		KT5		1							7					2				2							5						
8		KT6		2	1						14	7				6				4	2						10	5	5				
XXXIV	**TBA PHÁT LÁT 2**		**2**	**4**	**0**	**0**	**1**	**0**	**0**	**0**	**28**	**0**	**0**	**3**	**1**	**8**	**5**	**2**	**0**	**8**	**12**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	**20**	**0**	**0**	**0**	**0**	**0**	
1	1	A8/5															5				5												
2		KT1	2	4			1				28			2.5	0.5	8		2		8	7						20						

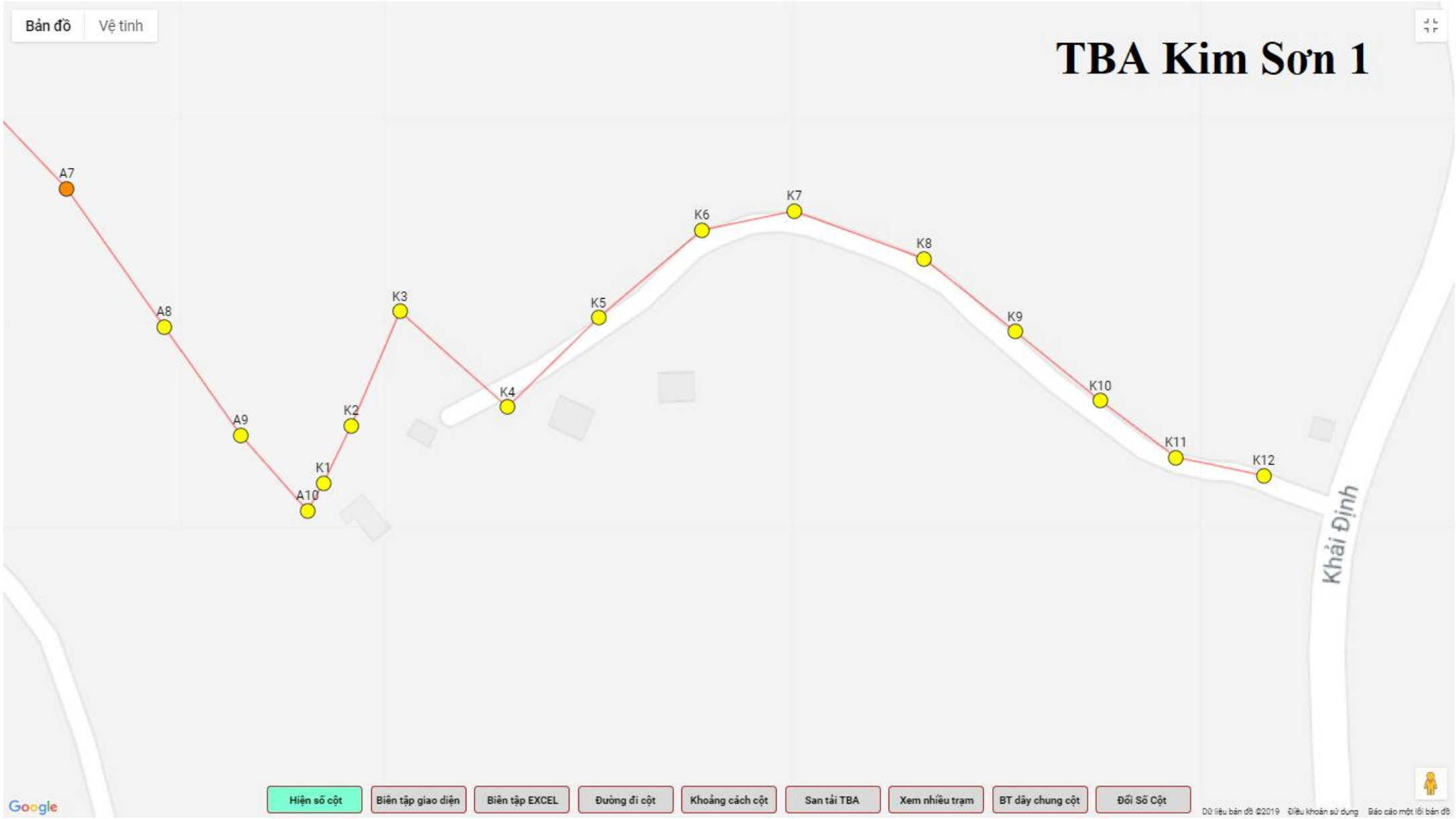
Bản đồ
Vệ tinh
TBA Kim Sơn 1
A7
A8
A9
A10
K1
K2
K3
K4
K5
K6
K7
K8
K9
K10
K11
K12
Khải Định
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google
Dữ liệu bản đồ ©2019
Điều khoản sử dụng
Báo cáo một lỗi bản đồ

TBA Thiên An

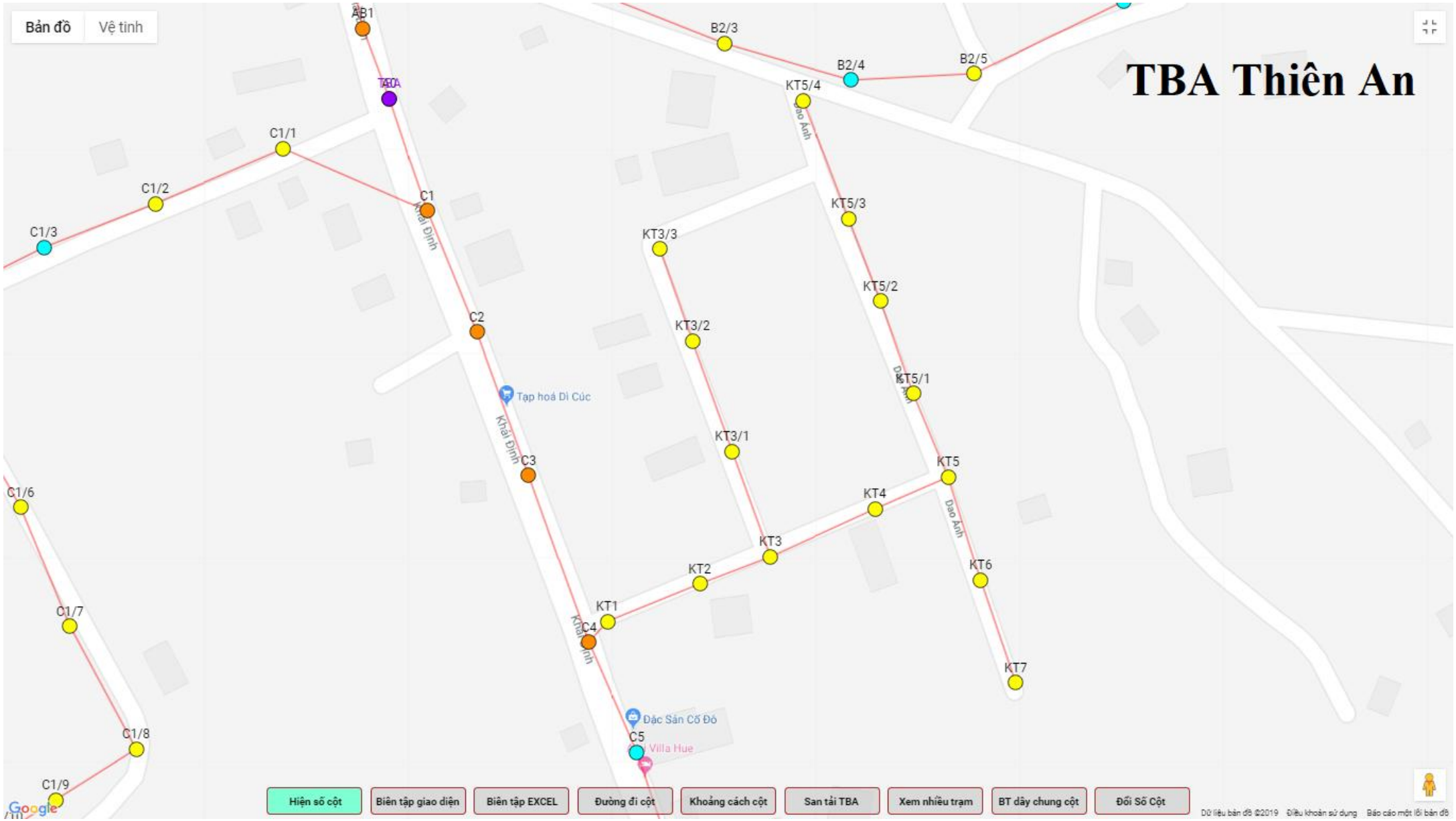
Bản đồ
Vệ tinh
AB1
TBA
C1/1
C1/2
C1/3
C1
C2
C3
C4
C5
Khải Định
Tạp hoá Di Cúc
KT3/3
KT3/2
KT3/1
KT5/4
KT5/3
KT5/2
KT5/1
KT5
KT4
KT3
KT2
KT1
KT6
KT7
B2/3
B2/4
B2/5
Đào Anh
C1/6
C1/7
C1/8
C1/9
Đặc Sản Cố Đô
Villa Hue
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google
Dữ liệu bản đồ ©2019
Điều khoản sử dụng
Báo cáo một lỗi bản đồ

TBA QH Thủy Xuân

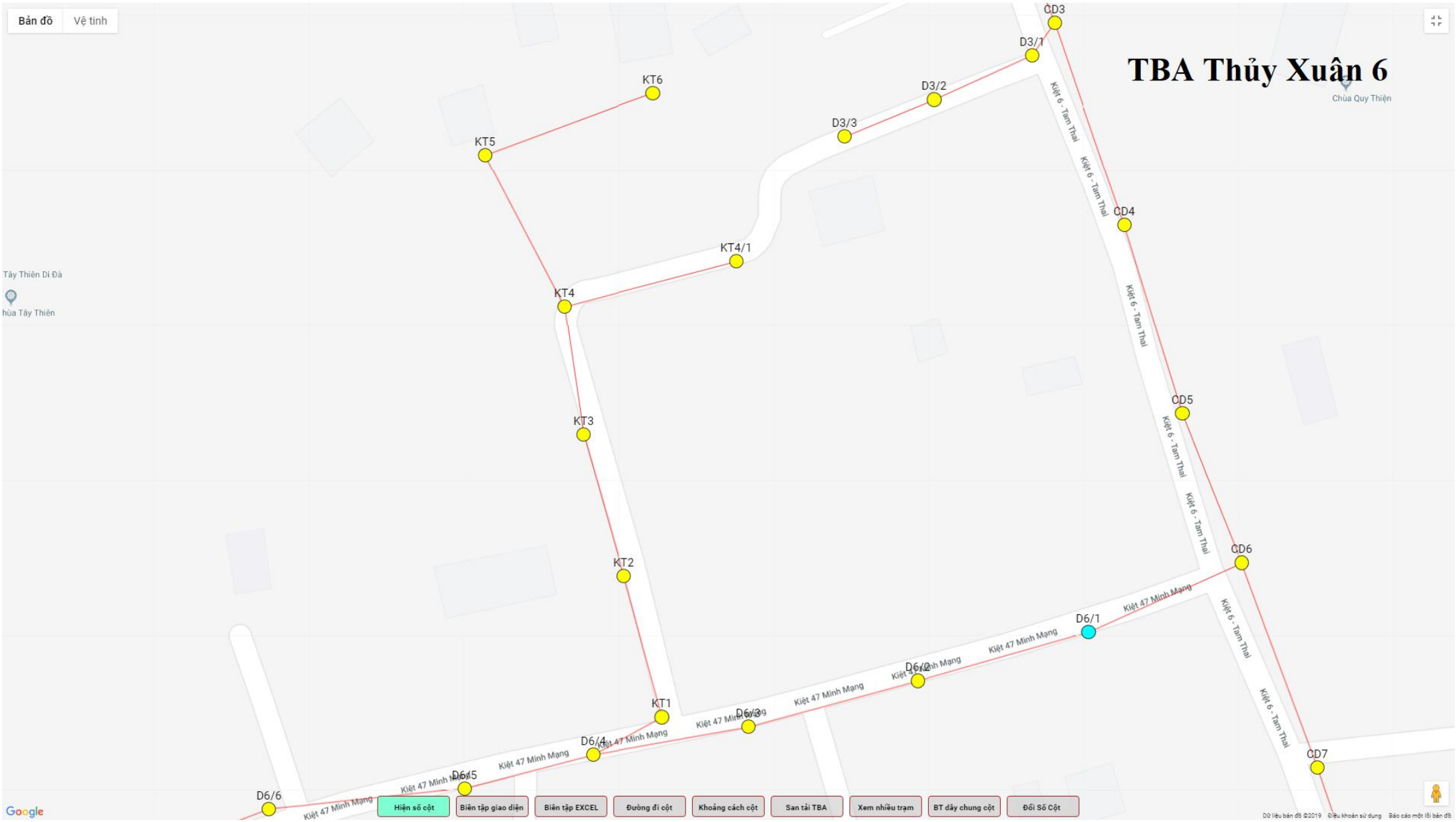
TBA Thủy Xuân 6
Bản đồ
Vệ tinh
CD3
D3/1
D3/2
D3/3
KT6
KT5
KT4/1
KT4
KT3
KT2
KT1
CD4
CD5
CD6
CD7
D6/1
D6/2
D6/3
D6/4
D6/5
D6/6
Kiệt 6 - Tam Thai
Kiệt 47 Minh Mạng
Chùa Quy Thiện
Tây Thiên Di Đà
hùa Tây Thiên
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google

TBA Thủy Xuân 7

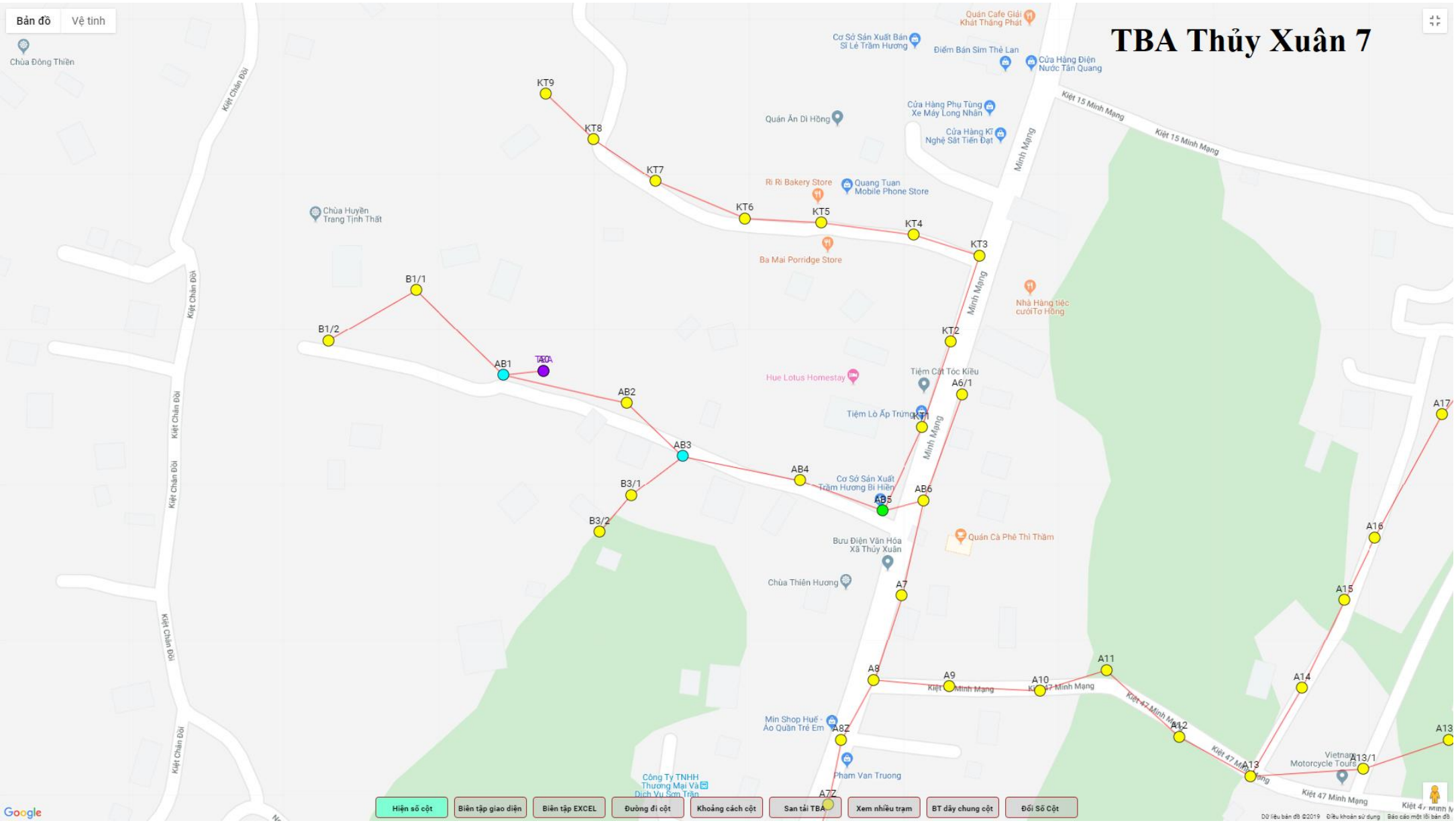

TBA Thủy Xuân 9

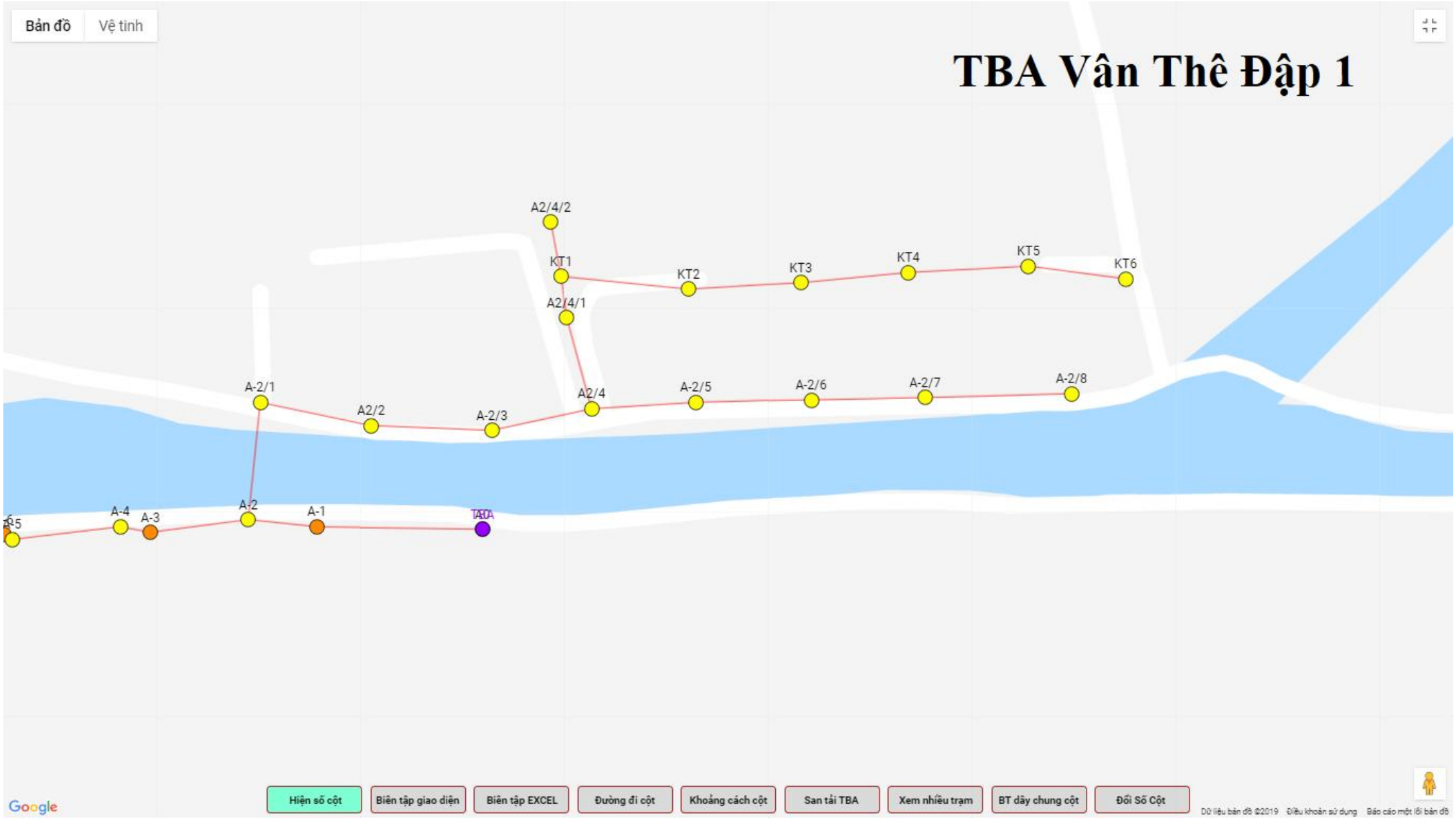
Bản đồ
Vệ tinh
TBA Vân Thê Đập 1
A2/4/2
KT1
KT2
KT3
KT4
KT5
KT6
A2/4/1
A-2/1
A2/2
A-2/3
A2/4
A-2/5
A-2/6
A-2/7
A-2/8
A-4
A-3
A-2
A-1
TBA
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google
Dữ liệu bản đồ ©2019
Điều khoản sử dụng
Báo cáo một lỗi bản đồ

TBA Thủy Dương Thuận An 4

TBA Thủy Biều 3

TBA Thủy Biều 4

TBA Phan Chu Trinh 1

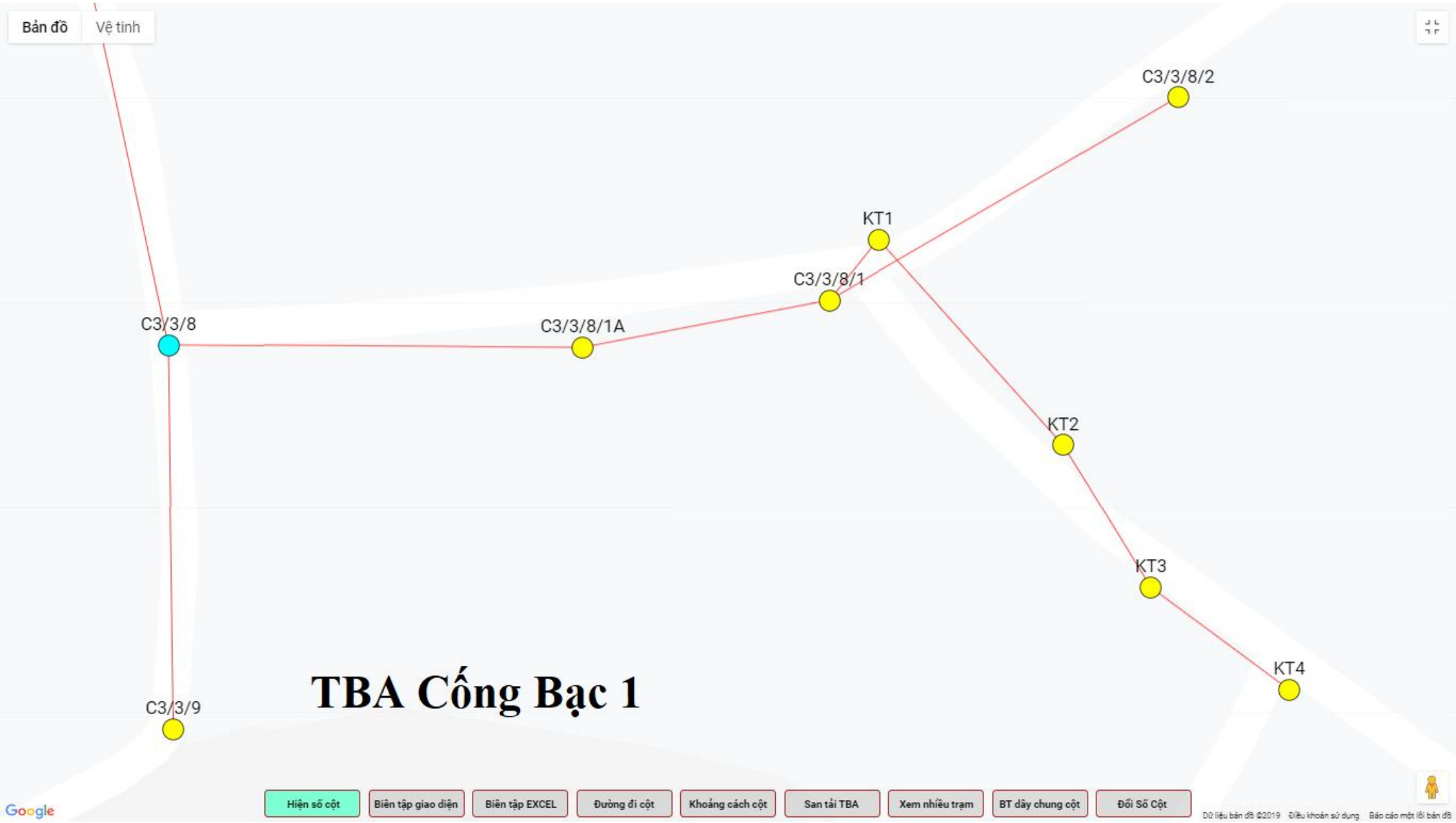
Bản đồ
Vệ tinh
C3/3/8/2
KT1
C3/3/8/1
C3/3/8
C3/3/8/1A
KT2
KT3
KT4
C3/3/9
TBA Cống Bạc 1
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google
Dữ liệu bản đồ ©2019
Điều khoản sử dụng
Báo cáo một lỗi bản đồ

TBA Thú Nhồi Bông

TBA Vạn Vạn 2

Bản đồ
Vệ tinh
A2
A2/1
A2/2
A2/3
A2/4
AB1
TBA
KT1
KT2
KT3
B2
B3
B4
B5
Hải Triều
Trần Thanh Mại
Tôn Quang Phiệt
sông An Cựu
Hàng Bánh
Tiểu Học An Đông
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google

TBA ĐC Trường Bia

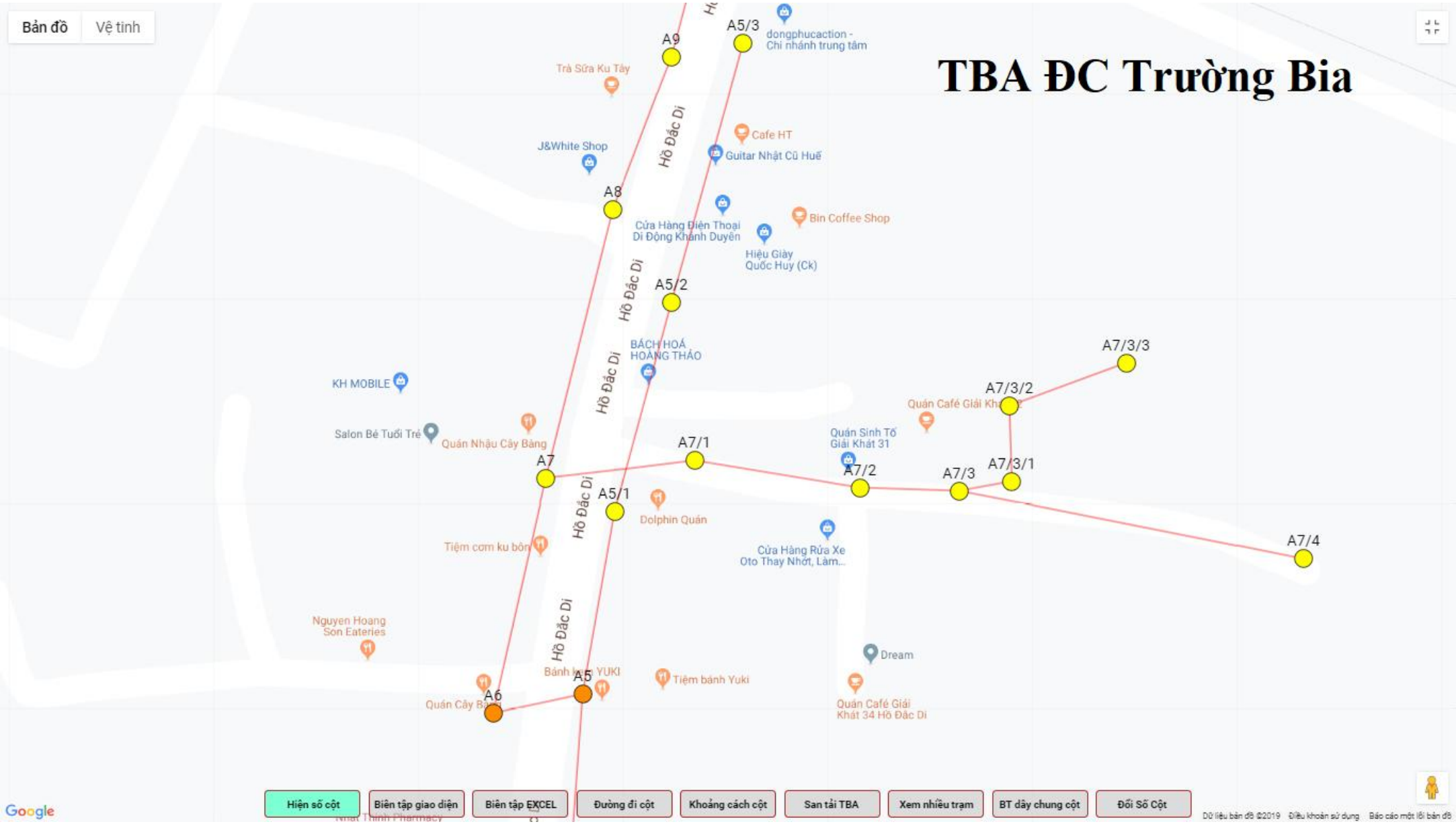

TBA Điện Biên Phủ 1

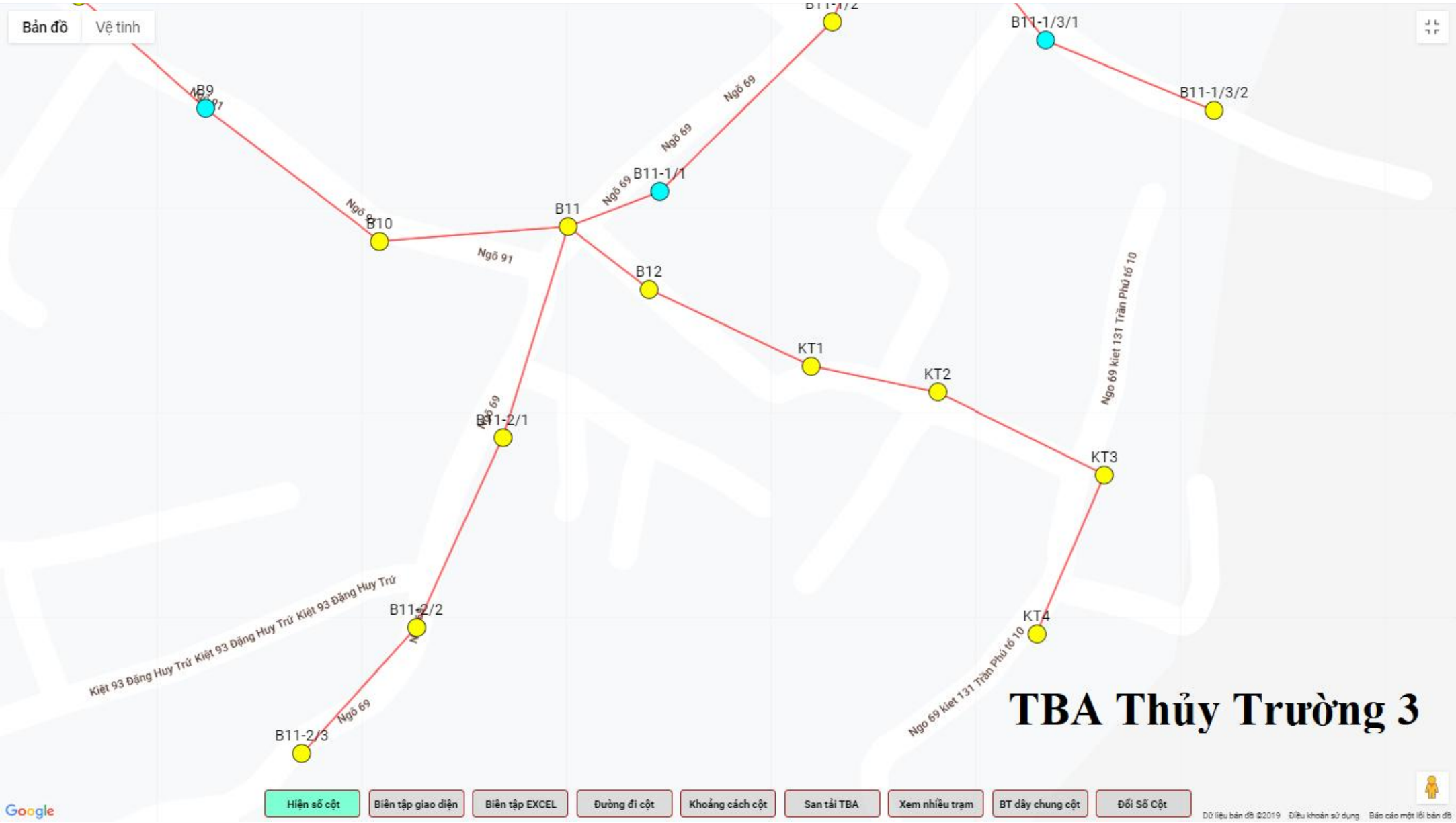
Bản đồ
Vệ tinh
B11-1/2
B11-1/3/1
B11-1/3/2
B9
Ngõ 91
Ngõ 69
Ngõ 69
Ngõ 69
B11-1/1
Ngõ 8
B10
B11
Ngõ 91
B12
Ngo 69 kiet 131 Tran Phu to 10
KT1
KT2
Ngõ 69
B11-2/1
KT3
Kiệt 93 Đặng Huy Trứ Kiệt 93 Đặng Huy Trứ Kiệt 93 Đặng Huy Trứ
B11-2/2
KT4
Ngo 69 kiet 131 Tran Phu to 10
Ngõ 69
B11-2/3
TBA Thủy Trường 3
Google
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Dữ liệu bản đồ ©2019
Điều khoản sử dụng
Báo cáo một lỗi bản đồ

TBA Đoàn Hữu Trưng

TBA Đường Sắt

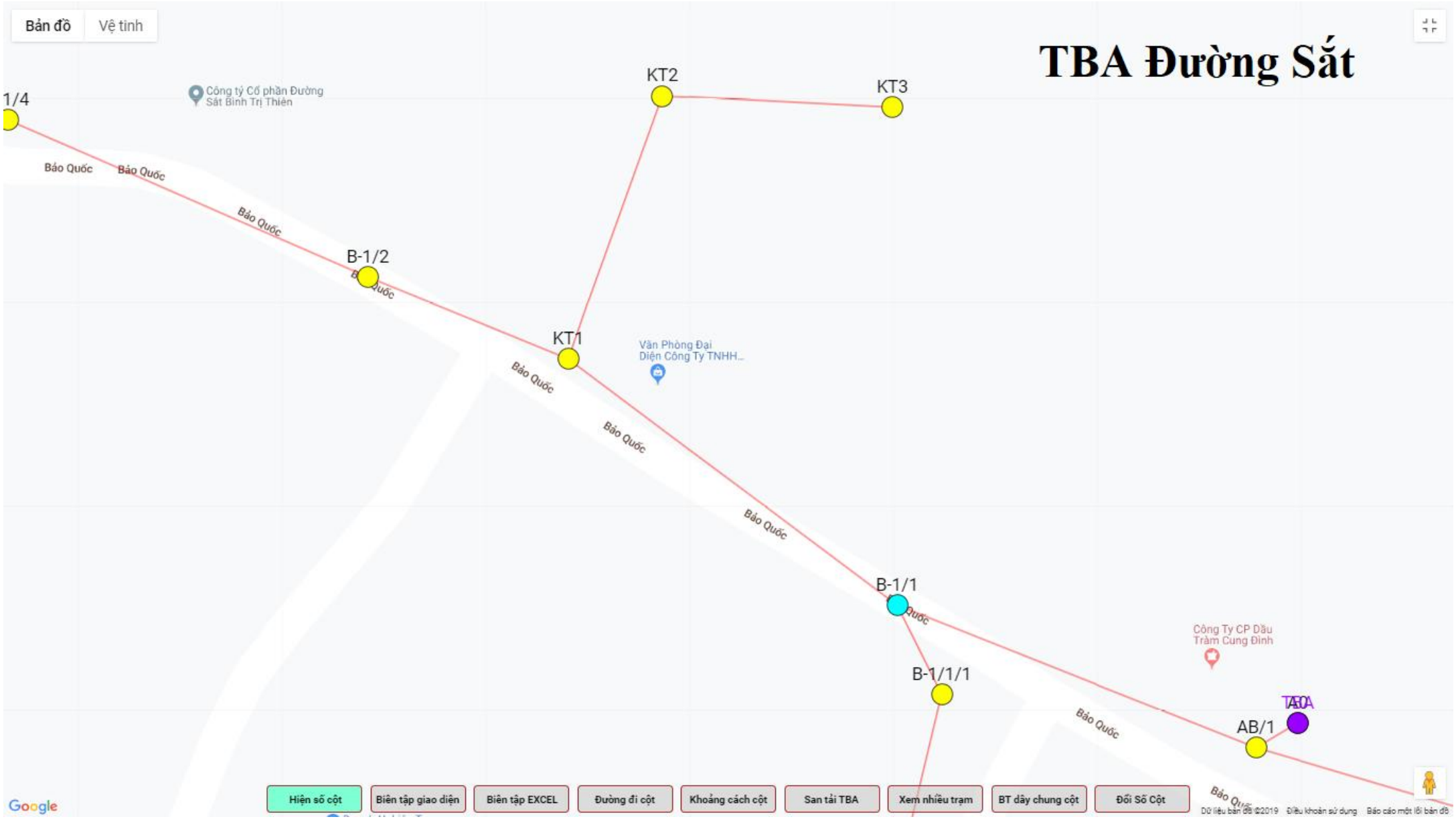

TBA Hàn Mặc Tử 2

Bản đồ
Vệ tinh
Bưu điện xã Phú Thượng
Garage Hoàng Thắng
Ngọc Anh
Xóm 1 Ng
m 2 Ngọc Anh
Xóm 3 Ngọc Anh
Doanh Nghiệp Tư Nhân Chuyên Kinh Doanh...
Trung Tâm Đội Xe Du Lịch An Thịnh 2
Sở 4 Ngọc Anh
Lync Game
Mộc Hàn
Chi Nhánh Doanh Nghiệp Tư Nhân
Cửa Hàng Nội Thất Ô Tô Ga
Phạm Văn Đồng
Cafe hùng tân
Bánh Ép Cây Dừa
Tùng Thiện Vương
Quán Thanh Ý
Liên Xã Thủy Vân
CHÙA XUÂN QUANG
Hồng Khẳng
Công Ty Cp Thủy Điện Trường Phú
A7 A7/1 A7/2 A7/3 A7/4 A7/5 A7/6 A7/7 A7/8 A7/9 A7/10 A9 A10 A11 A12 A13 A14 A15 A16 A6 A5 A4 A3 A2 A1 AB0 B1 B2 B3 B4 B4/1 B5 B6 B7 B8 B9 B10 B10/1 B10/2 B10/3 B10/4 B10/5 B11 B12 B13 B14 D000 KT1 KT2 KT3 KT4 KT5
TBA An Phú
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google
Dữ liệu bản đồ ©2019 Điều khoản sử dụng Báo cáo một lỗi bản đồ

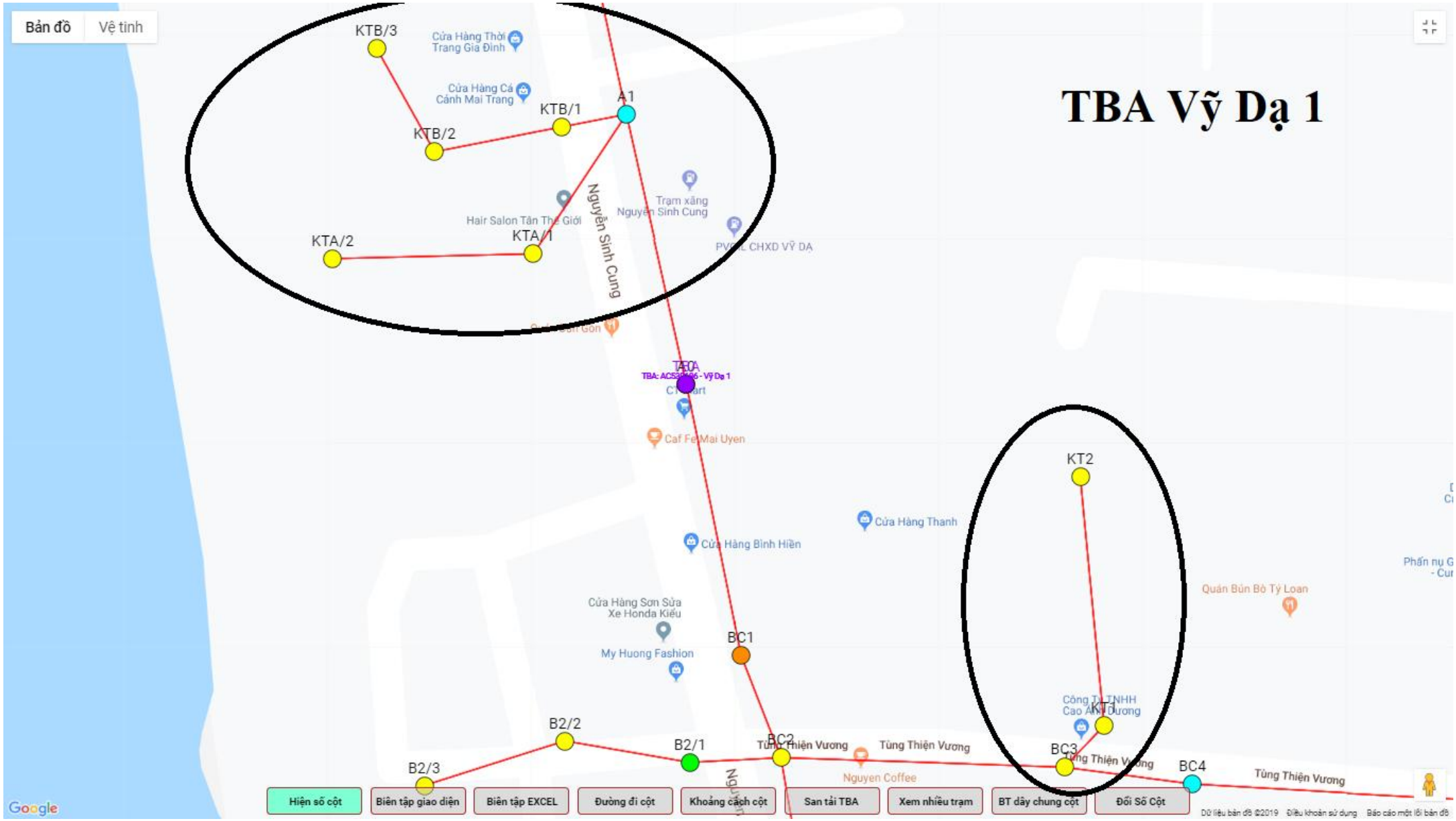
TBA Vỹ Dạ 1
Bản đồ
Vệ tinh
KTB/3
KTB/2
KTB/1
A1
KTA/2
KTA/1
Nguyễn Sinh Cung
Cửa Hàng Thời Trang Gia Đình
Cửa Hàng Cá Cảnh Mai Trang
Hair Salon Tân Thế Giới
Trạm xăng Nguyễn Sinh Cung
TBA
Caf Fe Mai Uyen
KT2
KT1
Cửa Hàng Thanh
Cửa Hàng Bình Hiền
Quán Bún Bò Tý Loan
Cửa Hàng Sơn Sửa Xe Honda Kiều
My Huong Fashion
BC1
B2/2
B2/1
B2/3
BC2
BC3
BC4
Tùng Thiện Vương
Nguyen Coffee
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google

Bản đồ
Vệ tinh
Trường tiểu học Phú Lưu
Công Ty TNHH Na Ro Ba
Ưng Bình
Napoli cafe
Quán đặc sản Huế
Cơm hến Tâm Phúc
Quán Dạ Hương
Jerry Shop
Sông Hương
A6
A5
A4
A3
A2
KT1
KT2
Ưng Bình tổ 19
quán cơm hến Văn
Cơm Hến Hòa Đồng
Nhà thuốc Mạnh Tý
Quán Cháo Dinh Dưỡng Susu
Xí Nghiệp Xuất Nhập Khẩu Thủy Sản...
Cơm Hến Quán Tâm Phúc
Sandy Boutic
Café Thôn Vỹ
Tuy Lý Vương
Quán Cơm Hến Hùng
Hương Bia
Mỹ Quảng Hoa
Xí Nghiệp Cát Sạn Thuận An
Khách Sạn Đức Lộc
NOTEBOOK Check
La Paix Hue
Cửa Hàng Điện Thoại Ngọc Thắng
Quán Cà Phê Vỹ Dạ
Hue Cycling Tours
Cafe Thuỷ Viên
Cửa Hàng Sơn Sửa Honda Quang Mỹ
Công Ty Cổ Phần Du Lịch HOÀNG SA
Avon
Nhà hàng Ngọc Anh
Cà phê Vĩ Dạ Xưa
Nguyễn Sinh Cung
Tạp Hoá Dì Xi
Trường Mầm Non Vỹ Dạ
Phủ Tuy Lý Vương
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google

TBA Cồn Hến 2

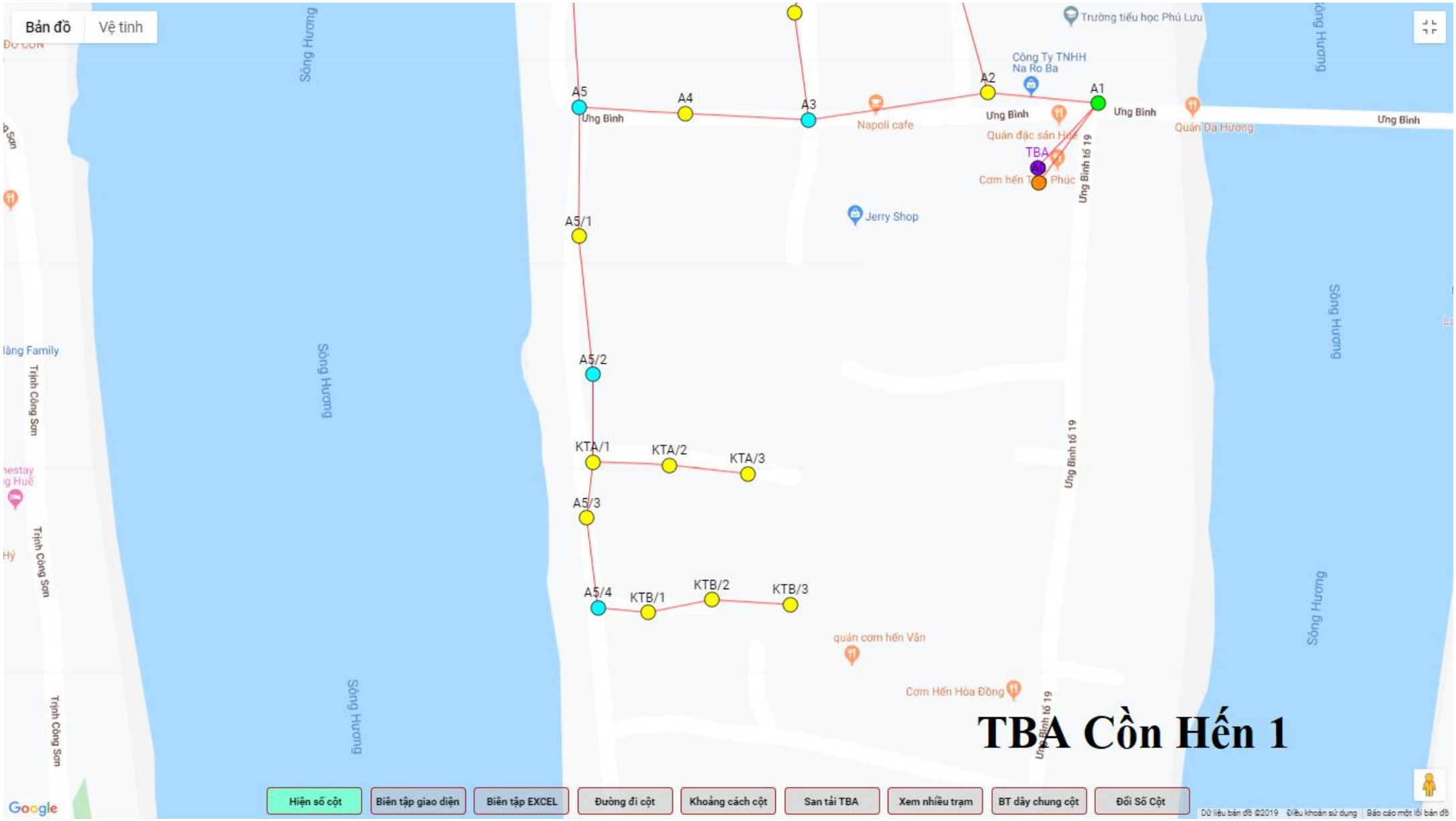
Bản đồ
Vệ tinh
Trường tiểu học Phú Lưu
Công Ty TNHH Na Ro Ba
A1
A2
A3
A4
A5
Ưng Bình
Napoli cafe
Quán đặc sản Huế
Quán Dã Hương
TBA
Cơm hến T Phúc
Ưng Bình tổ 19
Jerry Shop
A5/1
A5/2
A5/3
A5/4
KTA/1
KTA/2
KTA/3
KTB/1
KTB/2
KTB/3
Sông Hương
Trịnh Công Sơn
quán cơm hến Vân
Cơm Hến Hòa Đồng
TBA Cồn Hến 1
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google

TBA Phan Bội Châu 1

TBA Cầu Chui 2

TBA Từ Đàm

Bản đồ
Vệ tinh
Kiệt 133 Phan Bội Châu
Phan Bội Châu
BC4
Cửa Hàng Chim Cảnh Hero
Bánh Mì Chay Tâm Đức
Tạp Hóa Nga
Kiệt 137 Phan Bội Châu
BC5
Chùa Hiếu Quang
Tháp Hòa Thượng Hiếu Quang
BC6
C6/1
C6/2
C6/3
C6/4
C6/5
BC7
DỊCH VỤ CẦM ĐỒ PHÚ QUÝ
Chùa Từ Vân- Huế
BC8
B9
B10
B10/1
Tạp Hóa Huyền Anh
Hội Người Mù Tỉnh Thừa Thiên Huế
C3/4
C3/5
KT1
KT2
B9/1
B9/2
B9/3
B9/4
Áo cưới Jolie
Chip's home
Trần Phú
Quán Thu Hiền - Đặc Sản Hến
Tổ 10
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google

TBA Thọ Lộc 2

Bản đồ
Vệ tinh
Sông Hương
Sông Như Ý
Cầu Đập Đá
Lê Lợi
Nguyễn Công Trứ
TBA
BC1
BC2
BC3
BC4
KT1
B3/1
B3/2
B3/3
B2/1
B2/2
ABC1
ABC2
A/T01
A/T02
A/T02/1
A/T03
Perfume River Spa
Huong Giang Hotel Resort & Spa
Home Hotel Hue
Sline Germany
Banana Mango
Hue Family Food
Cung Đình
Bun Bo Hue (bún bò huế)
Cafe Tường Niệm
Quán Đập Đá
Quán Nhậu Phương Uyên
Đất Cafe & Live Music
Cháo Bò Đập Đá
COFFE THẢO VIÊN
Quán Coffe Queen Park
Dntn Thân Thiện
Risotto
GR Cafe
Quán Bún Huế nhà vườn
Hue Four Seasons Hotel
Hue Four Seasons
Doanh Nghiệp Tư Nhân Văn Anh Khach...
Đại lý Vé Máy Bay Jetstar Văn Anh
HUETOURIST
1989 Coffee & Beer
Quán Bún Bò Huế O Nga
DTN
Nhà Hàng An Phước
Quán cơm Đức Phát
Cà Phê Thôn Việt
Phú Lâu
Brick coffee - Restaurant - Bar
Cửa Hàng Thanh Hương Hàng Thái Lan
Nhà hàng Ngọc Sương
Seoul
Holiday Diamond
Quán Cà Phê Sông Xanh
Orchid caffee - ice cream
Cà Phê Tre Ngà Cafe KORE
Như Y Riverside Homestay
Hue Riverside Villa
Bún bò Nhà Vườn
Viet Village
Bún bò đêm Bà Tỷ
B53 garden
Hue Sweethou 2 Homestay
Jamming The Hostel
Bún mụ ty
Hue Cooking Class - Hue Food Tour
Hue Easy
Seb Cake
75Dope
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google

TBA An Lăng 1

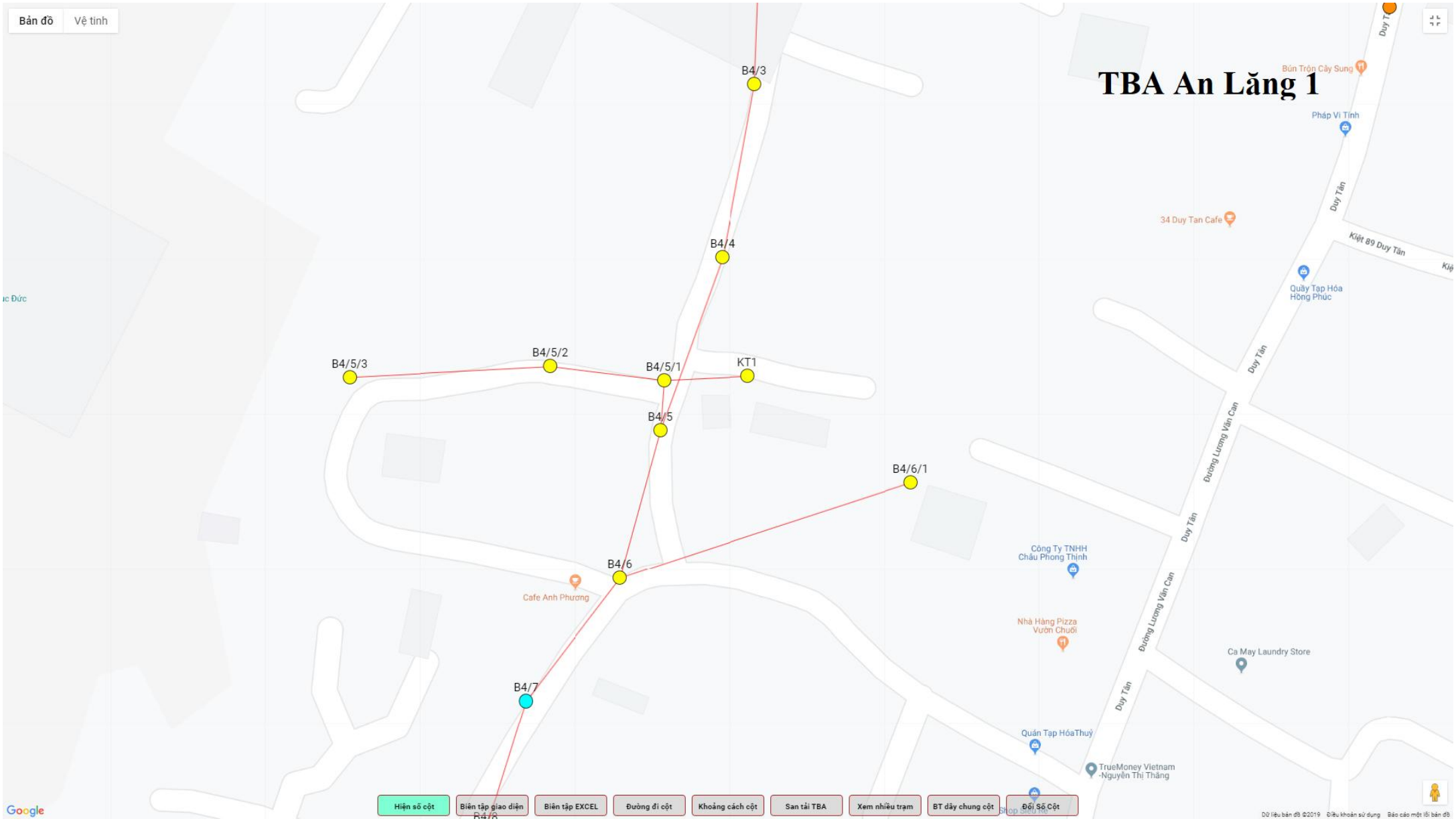
Bản đồ
Vệ tinh
B4/3
B4/4
B4/5/3
B4/5/2
B4/5/1
KT1
B4/5
B4/6/1
B4/6
B4/7
Cafe Anh Phương
Bún Trộn Cây Sung
Pháp Vi Tính
34 Duy Tan Cafe
Kiệt 89 Duy Tân
Quầy Tạp Hóa Hồng Phúc
Duy Tân
Đường Lương Văn Can
Công Ty TNHH Châu Phong Thịnh
Nhà Hàng Pizza Vườn Chuối
Ca May Laundry Store
Quán Tạp HóaThuỷ
TrueMoney Vietnam -Nguyễn Thị Thắng
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google

TBA GA 3

Bản đồ
Vệ tinh
sông An Cựu
Bến Thuyền Dã Viên
Giã Viên
Công Viên Bùi Thị Xuân
Bùi Thị Xuân
Cầu Dã Viên
Cầu Ga
Tôn Thất Tùng
Phan Chu Trinh
Lê Lợi
Lịch Đợi
Bảo Quốc
TBA
A0/2
A1
A1/1
A1/2
A2
A2/1
A2/2
A3
A4
A5
A6
A7
A8
B1
B2
B3
B4
B4/1
B4/2
B4/3
B4/3/1
B4/4
B5
KT1
KT2
KT3
KT4
KT5
Cơ Sở Đúc Đồng Nguyên Văn Thuận
Trà sữa Hoàng Long
Cửa hàng xăng dầu Biên Phòng
Công Ty TNHH Tư Vấn Thiết Kế Xây...
Đặc sản Cố Đô Huế 1
Valentine Sky Coffee
Huế Sky Coffee & Mart
Nhà Thuốc Gia Hân
Nhà Nghỉ Khánh Nguyên
Công Ty TNHH Một Thành Viên Nước...
TrueMoney Vietnam - Nguyễn Thị Tú Anh
Mr Pho - Pho Cafe
Quán Bún Bò Huế Thính
HALI FOOD
Cafe O Kim
HỮU PHƯỢNG - Mua Bán -Sửa Chữa...
Huy Apple Support
Bệnh Viện Giao Thông Vận Tải Huế
Ngọc Hiếu Guesthouse
Thuê xe máy ở ga tàu Huế - Thuê xe máy...
Ga Huế
Học viện Âm nhạc Huế
ATM Vietcombank
Di Tích Trụ Sở Viện Dân Biểu Trung Kỳ
ATM Sacombank - Bảo tàng HCM Huế
Quán Cơm Bún Chào Hến Nớ
Mè Xửng Thiên Hương
Ngân hàng Quốc Tế - VIB ATM
Ngân hàng Quân đội - ATM
ATM Vietinbank
Trung tâm Công nghệ thông tin - Đại học Huế
Cà Phê Sông Xanh
Cafe Cầu Bạch Hổ
Nhà Nghỉ 4 Mùa
Nhà khách Đoàn An Điều Dưỡng 41...
Quán Cơm Châu Tuấn
4 Seasons
4Seasons
Công ty cổ phần cấp nước Thừa Thiên Huế
Phở Hà Nội
Trạm 5nk5
Quán Phở Hóa
Phòng Cảnh Sát Giao Thông Đường Thủy
Công Ty Chuyển Phát Nhanh GNN
Tiệm Sửa Xe Tám
Nhím secondhand
Tạp hóa TÍNH
Bún mắm nêm Hạnh
CỬA HÀNG RAU SẠCH NHẬT TÍN
Xóm Hải Sản 1
Chè Huế
Bidv - Atm
Công Ty Cổ phần Đường Sắt Bình Trị Thiên
Chảo Lòng Lịch Đợi
Văn Phòng Đại Diện Công Ty TNHH...
CÁC LOẠI MẮM ĐẶC SẢN HUẾ
Trung Tâm Dịch vụ Việc Làm Tỉnh...
Doanh Nghiệp Tư Nhân Nguyễn Phúc
Hiện số cột
Biên tập giao diện
Biên tập EXCEL
Đường đi cột
Khoảng cách cột
San tải TBA
Xem nhiều trạm
BT dây chung cột
Đổi Số Cột
Google

TBA LỊCH ĐỢI 2

TBA TÁI ĐC LỊCH ĐỢI

TBA THỦY XUÂN 8

TBA PHÁT LÁT 2